TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 93/2026/QĐST-HNGĐ	

Phú Thọ, ngày 04 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 102/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Khu Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hoàn: Bà Hoàng Thị H – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu C, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 4, 5 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55, điều 81, điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị Hà Thị H và anh Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Hà Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Kim N, sinh ngày 19/5/2021 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/ 01 tháng, kể từ tháng 5/2026 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hằng tháng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị Hà Thị H và anh Bùi Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị H là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hoàn theo quy định pháp luật.

Anh Bùi Văn T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ. Tổng là 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 6 – Phú Thọ;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP

THẨM PHÁN

Trần Việt D